

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST

Ngày 27/3/2026

Về tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Tân và ông Đào Duy Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Như Q**, sinh năm 2000; Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã H, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã H, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn V, xã H, tỉnh Hưng Yên. Hiện đang đi lao động tại Nhật Bản (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Như Q trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Chị và anh Nguyễn Văn A tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã H, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 01/9/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh A chơi bời cờ bạc dẫn đến vay nợ nhiều người trong đó có cả việc vay tiền qua ứng dụng online. Hệ quả là kinh tế gia đình sa sút, chị Q bị nhiều người gọi điện thoại đến đòi nợ với lời lẽ đe dọa, thóa mạ. Mặc dù chị Q đã nhiều lần khuyên can cũng như tha thứ cho anh A nhưng anh A vẫn chứng nào tật đấy dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng

đã sống ly thân từ tháng 7/2025 và đến tháng 11/2025, anh A đi lao động tại Nhật Bản. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Trung H, sinh ngày 03/7/2023. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con. Chị có công việc và thu nhập ổn định, được bố mẹ chị sẵn sàng hỗ trợ chị chăm sóc con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã giao, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn A không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi về Tòa án văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tòa án tiến hành thu thập lời khai của chị Nguyễn Thanh H1, sinh năm 2004; Địa chỉ: Thôn V, xã H, tỉnh Hưng Yên (là em gái ruột sống cùng nhà với anh A), chị trình bày: Anh A và chị Q đăng ký kết hôn năm 2022 tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã H, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là gì thì chị H1 không biết nhưng vợ chồng anh chị có xảy ra xích mích, cãi cọ. Khoảng tháng 11/2025, anh A đi lao động tại Nhật Bản, chị Q cũng về nhà bố mẹ đẻ chị Q sinh sống, thi thoảng có về nhà bố mẹ chị H1 để chăm con. Anh A biết việc chị Q xin ly hôn và có trao đổi lại với chị H1 là anh không còn tình cảm vợ chồng với chị Q và đồng ý ly hôn. Anh A và chị Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Trung H, sinh ngày 03/7/2023, hiện con chung đang ở với bố mẹ đẻ anh A. Ly hôn, anh A cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H nhưng hiện anh A đang lao động tại nước ngoài nên anh A đồng ý để chị Q trực tiếp nuôi cháu H. Anh A và chị Q tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi cháu H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp chị Q đi lấy chồng thì chị Q phải giao cháu H cho anh A nuôi dưỡng. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung. Anh A thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại nhưng anh A không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể của anh A tại Nhật Bản. Chị H1 đồng ý nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh A và cam đoan sẽ thông báo lại nội dung văn bản tố tụng cho anh A được biết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số

01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử cho chị Q được ly hôn anh A; xử giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Chị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Nguyễn Văn A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, tỉnh Hưng Yên, hiện đang đi lao động tại Nhật Bản. Do đó, yêu cầu khởi kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Như Q và anh Nguyễn Văn A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị Q và lời trình bày của chị H1 (là em ruột của anh A) đều thể hiện hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát kéo dài. Từ tháng 11/2025, anh A xuất cảnh ra nước ngoài, vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh A đến làm việc cũng như tiến hành hòa giải mục đích để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Q giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn; anh A không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày quan điểm, không có biện pháp để đoàn tụ thể hiện cả hai không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân nữa. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Như Q và anh Nguyễn Văn A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị Như Q ly hôn anh Nguyễn Văn A là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Như Q và anh Nguyễn Văn A có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Trung H, sinh ngày 03/7/2023. Ly hôn, chị Q có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con chung. Xét thấy, anh A hiện đang đi lao động ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc con chung, chị Q có công việc và thu nhập ổn định, đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị và bố mẹ đẻ chị sẵn sàng hỗ trợ chị chăm sóc con chung. Như vậy, chị Q có điều kiện về nơi ở, kinh tế, thời gian... để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, cần xử giao cháu Nguyễn Trần Trung H cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Như Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Nguyễn Văn A không có văn bản trình bày về tài sản vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Như Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235; Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Như Q được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Trần Trung H, sinh ngày 03/7/2023 cho chị Trần Thị Như Q nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Trần Thị Như Q không yêu cầu anh Nguyễn Văn A cấp dưỡng cho con chung cùng chị. Anh Nguyễn Văn A có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị Trần Thị Như Q, anh Nguyễn Văn A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Như Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng chị Trần Thị Như Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000299 ngày 15/01/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Hưng Yên thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Anh Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Chị Trần Thị Như Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Hồng Minh, tỉnh Hưng Yên);
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt